

Số: 358 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 171/TTr-TNMT ngày 08/4/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH quản lý và xây dựng 668, địa chỉ trụ sở chính tại Thôn Đầu Cầu, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu dân cư thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang (để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án Xây dựng đường trục Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa - Khu trung tâm thị trấn Kép mở rộng theo hình thức hợp đồng BT)” tại thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: “Khu dân cư thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang (để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án Xây dựng đường trục Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa - Khu trung tâm thị trấn Kép mở rộng theo hình thức hợp đồng BT)”.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH quản lý và xây dựng 668;

1.3. Địa điểm hoạt động: Thôn Đầu Cầu, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2400843311 do phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang đăng ký lần đầu ngày 16/7/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/3/2020.

Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư dự án: Khu dân cư thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang (để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án Xây dựng đường trục Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa - Khu trung tâm thị trấn Kép mở rộng theo hình thức hợp đồng BT).

1.5. Mã số thuế: 2400843311.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và kinh doanh bất động sản.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích 123.691,1 m<sup>2</sup> (phù hợp theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh nội dung Quyết định 593/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND tỉnh; chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 2) cho Công ty TNHH quản lý và xây dựng 668 để thực hiện dự án Khu dân cư thôn Hạ, xã Nghĩa Hoà, huyện Lạng Giang).

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án phù hợp với quy hoạch chi tiết của Khu dân thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 10/8/2017; Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 03/7/2019; Quyết định số 786/QĐ –UBND ngày 17/8/2020; Quyết định 4143/QĐ–UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Lạng Giang, gồm các hạng mục: San nền; đường giao thông nội bộ; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống cấp điện sinh hoạt; hệ thống cấp điện, chiếu sáng công cộng; hệ thống thông tin liên lạc; cây xanh trên hè đường; khuôn viên cây xanh.

+ Quy mô dân số: Dự án đáp ứng nhu cầu ở cho khoảng 3.000 người.

+ Diện tích thực hiện dự án: 123.691,1 m<sup>2</sup>. Đất ở liền kề 519 lô với tổng diện tích 54.881,7 m<sup>2</sup> (theo Phụ lục - Quyết định số 1000/QĐ –UBND ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 593/QĐ –UBND ngày 10/7/2020 của UBND tỉnh; chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 2) cho Công ty TNHH Quản lý và xây dựng 668 để thực hiện dự án Khu dân cư thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang theo hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT)).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH quản lý và xây dựng 668 được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH quản lý và xây dựng 668 có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH quản lý và xây dựng 668 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về điều chỉnh nội dung quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu dân cư thôn Hạ thanh toán dự án xây dựng đường trục cụm công nghiệp Nghĩa Hòa - khu trung tâm thị trấn Kép mở rộng theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT)” tại thôn Hạ, xã

Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Lạng Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Khu dân cư thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang (để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án Xây dựng đường trục Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa – Khu trung tâm thị trấn Kép mở rộng theo hình thức hợp đồng BT)” tại thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 205/QĐ-TNMT ngày 14/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH quản lý và xây dựng 668 được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Lạng Giang, Công ty TNHH quản lý và xây dựng 668 và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH quản lý và xây dựng 668 (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải: 03 nguồn**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân cư;
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của khu thương mại, dịch vụ;
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt từ công trình công cộng trong khu vực dự án.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày đêm được thoát ra kênh tiêu thoát nước thuộc địa phận thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Nước thải sau xử lý được thoát ra hố ga nước mưa T22-3 qua hệ thống thoát nước mưa ra kênh tiêu thoát nước thuộc địa phận thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- 01 vị trí tại địa phận thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang.
- Tọa độ vị trí xả nước thải X= 2370270; Y= 421321 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 330 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tương đương khoảng 13,75 m<sup>3</sup>/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày đêm của dự án đạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B) được xả vào hệ thống kênh tiêu thoát nước thuộc địa phận thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào hệ thống kênh tiêu thoát nước thuộc địa phận thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc
1	pH	-	5 - 9	Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, điều 97- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của các hộ dân; khu thương mại, dịch vụ và các công trình công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 10m<sup>3</sup>/bể đối với các hộ gia đình, 12m<sup>3</sup>/bể đối với các công trình thương mại, dịch vụ, công trình công cộng) sẽ theo đường ống PVC D110 có tổng chiều dài khoảng 259m chảy vào các hố ga thu nước thải.

- Nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ được thu gom bằng hệ thống rãnh xây B400 đặt ngầm dưới vỉa hè có chiều dài khoảng 1.820m và công tròn bê tông cốt thép D300 có chiều dài khoảng 626m để thu gom toàn bộ nước thải của dự án về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đặt tại lô CX-02. Chi tiết tại 08 tuyến thu gom nước thải như sau:

+ Tuyến 01: Nước thải các hộ dân (LK24, LK25) thu gom bằng hệ thống rãnh B400 sau nhà dài khoảng 160m theo hướng Tây sang Đông, sau đó theo hệ thống công tròn D300 dài khoảng dài khoảng 155m, dọc tuyến bố trí các hố ga theo hướng Bắc - Nam thu gom về hố ga đầu nối với công tròn D300 tại tuyến 03.

+ Tuyến 02: Nước thải từ dọc hộ dân (một phần LK09, LK08) được thu gom bằng hệ thống rãnh B400 sau nhà dài khoảng 46m chạy dọc theo hướng Bắc - Nam về hố ga đầu nối với cống tròn tại tuyến 03.

+ Tuyến 03: Các hộ dân (phía nam LK09; LK07, LK23, LK22, LK21) được thu gom bằng hệ thống rãnh B400 sau nhà khoảng 610m (theo hướng Đông - Tây) và đầu vào hệ thống cống tròn D300 dài khoảng 48m dọc tuyến bố trí các hố ga theo hướng Đông - Tây thu gom về hố ga đầu nối với cống tròn D300 tại tuyến 04.

+ Tuyến 04: Các hộ dân (LK20) được thu gom bằng hệ thống rãnh B400 sau nhà dài khoảng 118m và đầu vào hệ thống cống tròn D300 dài khoảng 513m về hố ga đầu nối với cống tròn tại tuyến 8.

+ Tuyến 05: Nước thải từ các hộ dân (LK10, LK06; LK05, LK04, LK03, TM-01, P) thu gom bằng hệ thống rãnh B400 sau nhà dài khoảng 479m và đầu vào hệ thống cống tròn D300 dài khoảng 27m, dọc tuyến bố trí hố ga theo hướng Đông - Tây về hố ga đầu nối với cống tròn D300 tại tuyến 8.

+ Tuyến 06: Nước thải từ các hộ dân (LK9) thu gom bằng hệ thống rãnh B400 sau nhà dài 175m (theo hướng Bắc - Nam) và dài 21m (theo hướng Tây - Đông), sau đó qua hệ thống cống tròn D300 dài 24m (theo hướng Tây - Đông) về về hố ga đầu nối với cống tròn D300 tại tuyến 7.

+ Tuyến 07: Thu gom nước thải từ tuyến 05 và các hộ dân (LK01; LK02, TM-02) thu gom bằng hệ thống rãnh B400 sau nhà dài 112m (theo hướng Tây - Đông) và dài 93m (theo hướng Đông - Tây), sau đó qua hệ thống cống tròn D300 dài 32m thu gom về hố ga đầu nối với cống tròn D300 tại tuyến 8.

+ Tuyến 08: Thu gom nước thải từ tuyến LK04; LK05, LK07 được thu gom qua hệ thống cống tròn D300 dài khoảng 285m về hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày.đêm) đặt tại lô CX-02.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ → Bể gom → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể lắng → hệ thống kênh tiêu thoát nước thuộc địa phận thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang (nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 330 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng (Clo dạng bột): 01 kg/ngày; Đường: 02 kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

#### 1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt QCCP. Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

- + Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể xả thải, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

- + Nếu chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra và điều chỉnh lại định mức hóa chất tại bể trung hòa và hiệu quả lắng của bể lắng.

- Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý nước thải để xử lý...

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 06/2024 đến tháng 09/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 330 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- + 01 vị trí nước thải đầu vào tại bể gom nước thải;

- + 01 vị trí tại hố ga (T22-3) sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung, trước khi xả thải ra hệ thống kênh tiêu thoát nước thuộc địa phận thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.



2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

ST T	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể gom nước thải	Lấy mẫu đơn 01 lần. Thời gian dự kiến: Ngày 24/6/2024	pH, BOD <sub>5</sub> (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S), amoni (tính theo N), nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.	QCVN 14:2008/BTN MT (Cột B)
2	01 vị trí tại hố ga (T22-3) sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung, trước khi xả thải ra hệ thống kênh tiêu thoát nước thuộc địa phận thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang	Lấy mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp với tần suất 01 ngày/lần. Thời gian cụ thể như sau: -Lần 1: 24/6/2024 -Lần 2: 25/6/2024 -Lần 3: 26/6/2024	pH, BOD <sub>5</sub> (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S), amoni (tính theo N), nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.	QCVN 14:2008/BTN MT (Cột B)

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra hồ ga nước mưa T22-3 qua hệ thống thoát nước mưa ra kênh tiêu thoát nước thuộc địa phận thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Có 01 nguồn

Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy thổi khí ở khu vực nhà điều hành trạm xử lý nước thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** 01 vị trí (Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực  $107^0$ , múi chiều  $3^0$ ).

Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy thổi khí ở khu vực nhà điều hành trạm xử lý nước thải. Tọa độ: X= 2370281; Y= 421288

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung); cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 -21 giờ (dBA)	Từ 21 -6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	<i>Khu vực đặc biệt</i>
2	70	55	-	<i>Khu vực thông thường</i>

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	-	<i>Khu vực đặc biệt</i>
2	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc để máy hoạt động tốt.
- Trồng cây xanh quanh trạm, giúp giảm khoảng 15 dBA. Biện pháp che kín rất hiệu quả mà không cần nhiều đến theo dõi vận hành.
- Công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn phải có mặt tại vị trí của mình
- Định kỳ (6 tháng/lần) kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu tại các bộ phận chuyển động các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn...

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị	Khối lượng
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	Kg/năm	45
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	Kg/năm	90
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	Kg/năm	60
4	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	Kg/năm	90
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	Kg/năm	96
<b>Tổng</b>			Kg/năm	<b>381</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên: Không phát sinh.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt của dự án phát sinh khoảng 1.500 kg/ngày, thành phần chủ yếu là bao bì, thức ăn thừa, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh...

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Không bố trí;

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Không bố trí.

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình không nhiều và không liên tục, các hộ gia đình có trách nhiệm phân loại, thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh. Đơn vị quản lý, vận hành dự án phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo Nghị định số

08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## ***2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường***

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không bố trí.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình xây dựng công trình thứ cấp như nhà ở của người dân, các công trình công cộng: người dân và đơn vị xây dựng các công trình thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải xây dựng phát sinh theo quy định; đơn vị quản lý, vận hành có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn người dân không đổ bừa bãi chất thải ra môi trường, không để vật liệu xây dựng lấn chiếm lòng đường.

- Chất thải từ quá trình bảo dưỡng chất thải từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật: Đơn vị tiếp quản, vận hành dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng duy tu bảo dưỡng có trách nhiệm đem đi xử lý theo quy định.

## ***2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt***

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Không bố trí.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí.

Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ dự án (từ hoạt động quản lý, vận hành và các hộ gia đình tại dự án) sẽ được tổ vệ sinh môi trường của khu dân cư thu gom, vận chuyển bằng xe đẩy rác sẽ được tổ vệ sinh môi trường xã thu gom, vận chuyển đến khu xử lý rác của xã Nghĩa Hòa cách vị trí dự án khoảng 600 m với tần suất thu gom 03 ngày/tuần.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**Công ty TNHH quản lý và xây dựng 668 có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án đảm bảo xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả ra ngoài môi trường; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 171/TTr-TNMT ngày 08/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.